

Bản án số: 63/2026/HNGĐ-ST

Ngày 24/8/2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Đình.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Phương Hoa.

2. Ông Lương Văn Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thuý Hằng** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 2 – Điện Biên tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 237/2026/HNGĐ-ST ngày 19/5/2026 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị X - Sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Bản N, xã S, tỉnh Đ - Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lương Văn X - Sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Bản N, xã S, tỉnh Đ - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/5/2026, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Lò Thị X trình bày:

* **Về hôn nhân:** Chị và anh Lương Văn X sau khi tìm hiểu yêu thương nhau, được sự đồng ý của hai bên gia đình anh chị tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán của địa phương, về chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ (nay là Ủy ban nhân dân xã S), tỉnh Đ. Việc anh chị về chung sống và đăng ký kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc cho đến thời gian gần đây mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh X không chịu khó lao động sản xuất, chỉ thích ăn chơi đua đòi bạn bè, thường xuyên uống rượu chè về nhà chửi mắng vợ con, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, đôi khi xô xát. Nay chị X nhận thấy cuộc sống giữa vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được và để cuộc sống của chị và 02 con ổn định. Do vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lường Văn X.

*** Về con chung:** Anh chị có 02 con chung là cháu Lường Minh Quân, sinh ngày 16/9/2012 và Lường Thị Minh Thuỳ, sinh ngày 27/02/2016. Sau khi ly hôn, chị X có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Chị X không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung.

*** Về tài sản chung, tài sản riêng:** Anh chị không có tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng, nương:** Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lường Văn X vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án anh X không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ hay văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của các cháu Lường Minh Quân và Lường Thị Minh Thuỳ, trường hợp bố mẹ ly hôn các cháu đều có nguyện vọng muốn ở cùng với mẹ.

Tại đơn xin xác nhận ngày 01/7/2026 về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và điều kiện nuôi con của chị X và anh X cho thấy, trong cuộc sống do anh chị không còn tìm được tiếng nói chung, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau dẫn đến chị X đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh X. Chị X và anh X, đều tỉnh táo, đảm bảo sức khỏe, lao động sản xuất, đều có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung ngang nhau.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đến tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh X nhưng không gặp được anh X. Tòa án đã tiến hành lập biên bản làm việc với trưởng bản Na Vai thì thấy: Anh X do không có việc làm ổn định nên thường đi làm thuê thỉnh thoảng mới về nhà nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần cho anh X, nhưng anh X đều vắng mặt không có lý do, chị X có đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

*** Về án phí:** Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Lò Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị Lò Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ như nội dung đơn khởi kiện chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn trú tại bản Na Vai, xã S, tỉnh Điện Biên. Vậy, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Do anh X không thường xuyên ở nhà nên Tòa án không tổng đạt trực tiếp được các thông báo và quyết định của Tòa án cho anh X, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đó đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án thông báo họp lệ về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần cho anh X, nhưng anh X đều vắng mặt không có lý do, anh X cũng không gửi văn bản ghi kiến của mình cho Tòa án, chị X đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lương Văn X được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, chị Lò Thị X có mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh X theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân của chị X và anh X: sau khi tìm hiểu yêu thương nhau, được sự đồng ý của hai bên gia đình anh chị tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán của địa phương, về chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Điện Biên. Việc anh chị về chung sống và đăng ký kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc cho đến thời gian gần đây mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh X không chịu khó lao động sản xuất, chỉ thích ăn chơi đua đòi bạn bè, thường xuyên uống rượu chè về nhà chửi mắng vợ con, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, đôi khi dẫn đến xô xát. Nay chị X nhận thấy cuộc sống giữa vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và để cuộc sống của chị và 02 con ổn định. Do vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn X.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm mở phiên tòa, Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tuy nhiên anh X không gửi cho Tòa án văn bản nào ghi ý kiến của mình. Tại đơn xin xác nhận của chị Lò Thị X cho biết, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và điều kiện nuôi con khi ly hôn giữa chị X và anh X.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện chị X và anh X không còn tình cảm vợ chồng với nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy HĐXX cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị X và anh X. Tuyên xử cho chị X được ly hôn với anh X là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lường Minh Quân, sinh ngày 16/9/2012 và Lường Thị Minh Thủy, sinh ngày 27/02/2016

Xét nguyện vọng của chị X, nguyện vọng của các cháu Lường Minh Quân và Lường Thị Minh Thủy, phù hợp với đơn xin xác nhận chị Lò Thị X giao nộp cho Tòa án chứng minh điều kiện nuôi con của chị X, anh X. Áp dụng Điều 58; khoản 3 Điều 70; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cả 02 cháu Lường Minh Quân và Lường Thị Minh Thủy cho chị X trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Chị X không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con cùng với chị.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị X khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 thì chị Lò Thị X là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

* Căn cứ Điều 8; khoản 1 Điều 9; các Điều 51; 53; 56; 57; 58; 69; 70; 71; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

* Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lò Thị X. Chị Lò Thị X được ly hôn với anh Lường Văn X.

2. Về con chung: Giao các cháu Lường Minh Quân, sinh ngày 16/9/2012 và Lường Thị Minh Thủy, sinh ngày 27/02/2016 cho chị Lò Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Chị Lò Thị X không yêu cầu anh Lường Văn X cấp dưỡng nuôi con cùng với chị.

Anh Lường Văn X được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, riêng và công nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc Lò Thị X phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị X đã nộp theo biên lai số: 55 ngày 19/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Chị X đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị Lò Thị X có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 24/8/2026. Anh Lương Văn X vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- UBND xã S, tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lò Văn Dinh